



RÈN KĨ NĂNG NÓI CHO HỌC SINH TRONG MÔN NGỮ VĂN Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG

TRINH THỊ LAN

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
Email: lantrinh@hnue.edu.vn

Tóm tắt: *Kĩ năng nói là phần quan trọng ghi nhận khả năng làm chủ một ngôn ngữ của mỗi người. Chương trình giáo dục phổ thông thể hiện sự quan tâm nhất định đến việc phát triển toàn diện các kĩ năng hoạt động lời nói cho người học, trong đó có kĩ năng nói. Ba yếu tố là động cơ học tập, thái độ học tập và chiến lược học có ảnh hưởng đến việc học tập cũng như việc rèn luyện kĩ năng nói của học sinh ở trường phổ thông. Từ việc nghiên cứu về bản chất và các thành tố của kĩ năng nói, bài viết đề xuất một quy trình rèn luyện kĩ năng nói trong dạy học Ngữ văn nhằm phát triển năng lực nói cho học sinh trung học.*

Từ khóa: *Kĩ năng nói; năng lực nói; môn Ngữ văn; giao tiếp.*

(Nhận bài ngày 23/8/2017; Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa ngày 08/9/2017; Duyệt đăng ngày 25/9/2017).

1. Đặt vấn đề

Kĩ năng nói (KNN) được đánh giá là phần quan trọng trong việc hình thành và phát triển năng lực (NL) giao tiếp bằng một ngôn ngữ của mỗi người. Cùng với kĩ năng (KN) nghe, KNN được xác định là một trong những KN cơ bản của thế kỉ XXI. Erik Palmer đã thống kê cách chúng ta sử dụng thời gian giao tiếp: Viết: 9%, Đọc: 16%, Nói: 30%, Nghe: 45%. Như vậy, chúng ta sử dụng 3/4 thời gian giao tiếp cho việc nghe và nói. Việc thiếu hụt KNN trong các hoạt động giao tiếp sẽ là một cản trở rất lớn đối với mỗi người trong xã hội [1].

Nói là khả năng diễn đạt lời nói dưới dạng âm thanh, thể hiện ở việc người nói dùng khẩu ngữ để truyền đạt thông tin, biểu đạt tư tưởng, tình cảm một cách chính xác, sinh động, có sức thuyết phục. Làm chủ được KNN sẽ giúp người nói tạo ra mối quan hệ tốt đẹp trong giao tiếp, tự khẳng định mình và là công cụ tạo ảnh hưởng với người khác. Thực tế đã chứng minh những người giao tiếp bằng lời nói hiệu quả sẽ có nhiều cơ hội thành công hơn trong trường học và trong các lĩnh vực khác của cuộc sống.

Tuy nhiên, hiện nay, một bộ phận học sinh (HS) trung học còn yếu về KNN. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến thực trạng này. Dễ thấy nhất là HS ngại nói trong giờ học, có tâm lí ngượng ngùng, dè dặt vì sợ nói sai, không có đủ thông tin để diễn đạt... Sự hạn chế về vốn sống, vốn hiểu biết và kinh nghiệm giao tiếp, ít giao lưu trong gia đình, tập thể dẫn đến việc HS không chủ động, linh hoạt trong việc thực hiện các chủ đề, hình thức nói. Các hoạt động tập thể cần đến việc trao đổi, thảo luận, diễn thuyết, hùng biện,... ít và khó được tổ chức nên HS không có nhiều điều kiện để rèn luyện KNN. Số lượng HS ở mỗi lớp học khá đông nên việc rèn luyện KNN cho từng HS còn hạn chế. Một bộ phận giáo viên (GV) chú trọng rèn luyện KN viết, chưa có phương pháp phù hợp, sáng tạo để khuyến khích, tạo điều kiện và phát triển NL

nói cho HS.

Nhu cầu giao tiếp, truyền thông quốc tế ngày càng mở rộng trong thời đại thông tin đã khiến nhiều người tham gia vào các lớp học ngôn ngữ để nâng cao khả năng nói của mình. Chương trình giáo dục phổ thông thể hiện sự quan tâm nhất định đến việc phát triển toàn diện các KN hoạt động lời nói cho người học, trong đó có KNN. Bởi vậy, cần thiết có một sự nhìn nhận thỏa đáng và có những nghiên cứu thiết thực để tìm ra những cách thức dạy học (DH) KNN hiệu quả cho HS.

2. Rèn kĩ năng nói cho học sinh trong môn Ngữ văn

2.1. Quan niệm về nói và kĩ năng nói

Từ điển Anh ngữ hiện đại Oxford (2009) định nghĩa “nói” (*speak*) “là hành động truyền đạt thông tin hoặc diễn tả những suy nghĩ và cảm xúc của một người bằng âm thanh” [2, tr.414]. Thực ra trong tiếng Anh, hành động “nói” được biểu đạt bằng hai động từ là “speak” hoặc “talk”. Thông thường, “talk” được dùng để nói đến các cuộc hội thoại không mang tính trang trọng, “speak” được sử dụng để nói về sự giao tiếp trong tình huống nghiêm túc hơn, mang tính chính thức hoặc để cập đến khả năng ngôn ngữ của một người. Người nói dùng “speak” khi muốn nhấn mạnh vào tính học thuật trong nội dung lời nói. Do đó, người ta dùng thuật ngữ “*speaking skills*” khi bàn tới KNN nhằm nhấn mạnh vào hoạt động nói của chủ thể và tính học thuật trong vấn đề nghiên cứu cả trên phương diện nội dung và hình thức.

Chaney nhắc đến việc nói như là một quá trình: “*Nói là quá trình xây dựng và chia sẻ ý nghĩa thông qua việc sử dụng các biểu tượng bằng lời nói hoặc không bằng lời trong nhiều ngữ cảnh khác nhau*” [3, tr.13]. Folse miêu tả như là một quá trình “*liên hợp*”, “bao gồm ba giai đoạn chính: Sản xuất, tiếp nhận và xử lí thông tin” [4]. Nunan cho rằng trong quá trình học ngôn ngữ, nói là

KN để thực hành và làm chủ ngôn ngữ; thực hiện KNN hiệu quả chính là việc tạo ra lời nói có hệ thống để diễn đạt ý nghĩa [5]. Nhìn chung, kể cả trong giao tiếp xã hội và trong hoạt động học tập ở nhà trường, KNN bao gồm cả KN truyền đạt thông tin bằng lời nói dưới các hình thức khác nhau (trình bày vấn đề, giảng giải, chỉ dẫn, nói chuyện) và KN tham gia thành công cũng như duy trì các cuộc hội thoại, các thảo luận, trao đổi.

2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến kĩ năng nói

Có nhiều cách xác định các yếu tố ảnh hưởng đến KNN của một HS. Các tài liệu tâm lí giáo dục học xác định: Trong nhiều nhân tố khác nhau ảnh hưởng đến việc học tập của HS, có ba yếu tố quan trọng nhất là động cơ học tập, thái độ học tập và chiến lược học [5]. Theo đó, việc rèn luyện KNN của HS cũng chịu sự chi phối của ba nhân tố này. Góc độ giáo dục ngôn ngữ lại xác định các yếu tố ảnh hưởng đến KNN của một cá nhân bao gồm các yếu tố về con người, nội dung nói và các yếu tố ngoại tác. Xuất phát từ mục đích dạy KNN như là dạy một KN giao tiếp, chúng tôi coi trọng các yếu tố giáo dục ngôn ngữ này.

2.2.1. Yếu tố con người

Yếu tố con người bao gồm các vấn đề về nhân khẩu học, phát âm, nhịp điệu, tốc độ nói, kinh nghiệm nói, sự chuẩn bị và tâm lí khi nói... Trong đó phát âm có ảnh hưởng lớn nhất đến KNN của một cá nhân. Chất giọng, độ cao thấp (lên giọng, xuống giọng), nhịp điệu, âm sắc, tính kịch liệt (trong sự hưởng ứng hay phản kháng), cách chuyển tông điệu... đều có ý nghĩa rất quan trọng. Để rèn luyện tốt KNN, HS cần nhận thức rằng không nên chỉ cố gắng học thuộc lòng toàn bộ nội dung bài viết mà hãy biết điều khiển giọng nói của mình. Chẳng hạn, HS cần thể hiện đúng ngữ điệu thể hiện mục đích nói của câu, ý thức được việc nhấn giọng trong cùng một câu nói nhưng ở những vị trí khác nhau sẽ tạo ra nhiều sắc thái ý nghĩa khác nhau...

Kinh nghiệm cá nhân tỉ lệ thuận với mức độ thành công của KNN. Những HS thường chủ động, tự tin phát biểu, đã có nhiều lần nói trước lớp, trước đám đông thì kinh nghiệm học hỏi và đúc kết được càng nhiều. Do đó, trong rèn luyện KNN, GV cần hướng dẫn HS cách tự đúc rút kinh nghiệm sau mỗi lần thực hiện việc nói tự do hoặc nói theo chủ đề.

2.2.2. Nội dung nói

Nội dung nói là một nhân tố thiết yếu. Để có tính hấp dẫn, thu hút người nghe, đề tài nói cần đảm bảo tính thiết thực, đặc sắc, mới lạ và độc đáo. Bố cục và trình bày nội dung nói cần được sắp xếp theo một tổ chức nhất định, rõ ràng, logic, hợp lí, có tính thuyết phục cao nhằm dẫn dắt người nghe theo dõi diễn tiến của bài phát biểu, từ đó hiểu được thông điệp truyền đạt. Khi nói, người nói cần đảm bảo tính nhất quán về nội dung được nhắc đến, cụ thể là cần có sự tương đồng giữa các nội dung cơ sở lí thuyết, thực trạng, phân tích, đánh giá...

2.2.3. Các yếu tố ngoại tác

Các yếu tố ngoại tác như người nghe, không gian,

thời gian nói, các phương tiện công nghệ hỗ trợ... có những ảnh hưởng quan trọng đến việc rèn luyện KNN. Trong đó, người nghe là tác nhân có ảnh hưởng lớn nhất. Thái độ, sự hợp tác và ủng hộ của người nghe sẽ khiến cho người nói thoải mái hơn và bộc lộ hết khả năng và truyền tải được trọn vẹn, sinh động nội dung cần nói.

Sử dụng công nghệ thông tin vào việc minh họa, hỗ trợ cho phần trình bày bằng lời cũng ảnh hưởng rõ rệt đến hiệu quả và chất lượng nói. Việc sử dụng các công cụ trình chiếu, các hình ảnh minh họa cho bài phát biểu sẽ giúp người nghe hiểu rõ hơn về nội dung đang được nói đến và người nói sẽ dễ dàng tương tác với người nghe.

2.3. Ba giai đoạn rèn luyện kĩ năng nói cho học sinh trong môn Ngữ văn

Nói là hoạt động tạo lập văn bản bằng âm thanh ngôn ngữ. Đây là việc HS vận dụng kiến thức đã học về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp... vào thực tế giao tiếp. Việc rèn KNN cần được phối hợp chặt chẽ với các KN khác, tiến hành từng bước, thường xuyên để HS vận dụng vào giao tiếp hàng ngày. Vì vậy, GV đóng vai trò quan trọng trong việc hướng dẫn, tổ chức để HS có cơ hội, rèn luyện KNN. Việc rèn luyện này trước hết được tiến hành trong các giờ học dành cho luyện nói: Luyện nói kể chuyện, thi kể chuyện, luyện nói quan sát, tưởng tượng, so sánh và nhận xét trong văn miêu tả (lớp 6); Phát biểu cảm nghĩ, giải thích một vấn đề (lớp 7); Thuyết trình, luyện nói thuyết minh (lớp 8); Luyện sử dụng các phương châm hội thoại (lớp 9); Trình bày một vấn đề văn học, trình bày một vấn đề xã hội (lớp 10); Phỏng vấn và trả lời phỏng vấn (lớp 11); Phát biểu tự do, phát biểu theo chủ đề (lớp 12). Nhưng trong hầu hết các giờ học Ngữ văn, GV cần tổ chức các hoạt động học tập tạo điều kiện thuận lợi cho HS luyện nói; thậm chí GV Ngữ văn có thể xây dựng các nhiệm vụ học tập để khuyến khích HS luyện nói thường xuyên trong các môn học khác.

Vận dụng quan điểm giao tiếp trong dạy học ngôn ngữ nói chung (cả dạy tiếng mẹ đẻ và dạy ngoại ngữ), chúng tôi xác định việc rèn luyện KNN cho HS trong môn Ngữ văn có thể được tiến hành theo ba giai đoạn, mỗi giai đoạn có mục đích, nhiệm vụ khác nhau và có cách thức tiến hành riêng. Quy trình này có thể được áp dụng trước hết vào hoạt động nói theo chủ đề.

Giai đoạn 1: Chuẩn bị nói (Pre-speaking)

Đây khâu HS chuẩn bị các điều kiện trước khi nói, ảnh hưởng trực tiếp đến sự thành công của quá trình nói. Chuẩn bị cho việc nói bao gồm:

+ Chuẩn bị nội dung: Để nội dung nói mang tính thuyết phục và tạo cảm hứng cho người nghe, người nói phải chuẩn bị đủ thông tin về chủ đề, nắm vững và hiểu chính xác các thông tin. Nếu HS biết trước đề tài, chủ đề nói, các em có thể thêm vào chủ đề những thông tin bổ sung, thông tin mới, những ý tưởng, câu chuyện dí dỏm có ý nghĩa để chứng minh rõ thêm, làm phong phú thêm cho vấn đề cần phải trình bày. Người nói cần có sự chuẩn bị về bố cục của phần nội dung sẽ trình bày: Phần mở, phần thân và kết luận.



+ Tập luyện nói là một việc quan trọng và cần thiết, nhưng HS thường bỏ qua công việc này. KNN phải luôn được đặt trong hoạt động giao tiếp và việc luyện nói một cách nghiêm túc và thường xuyên là yếu tố then chốt giúp nâng cao KNN của mỗi người. Trong quá trình luyện nói, người nói có thể ghi chú, ước tính thời gian và chỉnh sửa những chỗ cần thiết về nội dung và cách thể hiện. Việc luyện nói cũng giúp người nói ghi nhớ các dữ liệu và trình tự thuyết trình một cách hiệu quả, giúp việc trình bày vấn đề được thông suốt hơn. Ngoài ra, việc tập luyện sẽ giúp người nói nhận ra được những khó khăn và hạn chế của mình trong lúc phát biểu. Theo đó, cách tốt nhất là mỗi HS nên ghi hình lại quá trình luyện nói của mình, tự xem lại để rút kinh nghiệm và nhờ người khác góp ý.

+ Chuẩn bị tâm lý trước khi nói trước nhiều người: Dù là người lần đầu tiên nói trước đông người hay đã phát biểu nhiều lần, HS đều không tránh khỏi áp lực tâm lý khi đứng trước đám đông. Trong cuộc nói chuyện, người nói luôn muốn những khán giả, thính giả của mình có thể tiếp thu một cách có hứng thú với nội dung mà mình truyền đạt. Dù đối tượng nghe là ai cũng đều tạo sức ép đối với người trình bày. Chính vì thế, chuẩn bị về tâm lý là điều quan trọng để có được một phần trình bày tốt trước mọi người. Một số kĩ thuật như thả lỏng cơ thể, co duỗi nắm tay hay sử dụng phương pháp thở yoga... có thể giúp HS chuẩn bị tâm lý tốt trước khi nói.

Cùng với nội dung nói có chất lượng, sự tự tin sẽ quyết định thành công của một buổi thuyết trình. Người nghe sẽ trở nên thoải mái và cởi mở hơn trước phong thái tự tin của người nói. Sự tương tác tích cực giữa người nói và người nghe cũng sẽ góp phần nâng cao hiệu quả của hoạt động giao tiếp.

Tác phong và ngôn ngữ cơ thể của người nói cũng góp phần tạo ra thành công của một bài trình bày hoặc một cuộc hội thoại. Các yếu tố phi ngôn ngữ như ánh mắt, cử chỉ, tư thế đi, đứng, ngồi sẽ thể hiện rõ tâm lý, sự tự tin của người nói, tạo cảm giác gần gũi hoặc xa lạ giữa người nói và người nghe. Cần hạn chế việc khua tay, khua chân, cử động không ngừng khi nói. Ngôn ngữ cơ thể là thứ cần được sử dụng một cách khéo léo và tế nhị ngay từ khi bắt đầu bài phát biểu nhằm giúp chuyển tải được nội dung nói cũng như hạn chế một số xung đột không đáng có.

Giai đoạn chuẩn bị nói cần đến sự tự giác và ý thức chủ động của HS. GV có vai trò là người định hướng và nhắc nhở HS tự điều chỉnh. Hầu hết HS đều chuẩn bị nói ngoài giờ học trên lớp. Tuy nhiên, nếu có điều kiện, GV cũng cần thị phạm sự chuẩn bị của mình trong những hoạt động nói nào đó (ở đó có sự chứng kiến của HS), ví dụ: Nói chuyện hoặc phát biểu trước phụ huynh HS, thuyết trình dẫn dắt vào bài, bình giảng nội dung và nghệ thuật của văn bản văn học. Từ đó, HS sẽ được khuyến khích việc chuẩn bị chu đáo các phần nói của mình.

Giai đoạn 2: Luyện nói có kiểm soát (Controlled practice)

Đây là giai đoạn chính của việc rèn luyện KNN. HS cần được luyện tập cả việc nói theo chủ đề và nói tự do. Trên lớp, trong các giờ luyện nói (thuộc các bài học Làm văn trong chương trình Ngữ văn), thông thường HS sẽ xác định một người nghe giả định nào đó hoặc thực hiện hình thức đóng vai để thuyết trình hoặc đối thoại. Hình thức rèn luyện KNN chủ yếu là hoạt động theo cặp, nhóm theo sự tổ chức, hướng dẫn của GV. Việc kiểm soát quá trình rèn luyện là để thúc đẩy sự tiến bộ chứ không nhằm mục đích đánh giá. Một số cách rèn luyện KNN có thể áp dụng trong các giờ học như sau:

- HS dựa vào tình huống gợi ý (qua tranh vẽ, từ ngữ cho sẵn hoặc bài hội thoại mẫu) để luyện nói theo yêu cầu: trình bày, miêu tả về một đối tượng, suy đoán về sự việc, sự kiện...

- HS luyện nói theo cá nhân/ cặp/ nhóm dưới sự kiểm soát của HS khác và GV để sửa lỗi phát âm, ngữ pháp, luyện ngữ âm, dùng từ ...

- HS nói độc lập hoặc nhóm HS nói có tương tác theo nội dung và hình thức được yêu cầu trước: Luyện nói về thông tin cá nhân, đóng vai giao tiếp, phỏng vấn, thảo luận, tranh luận...

- HS luyện trình bày với sự hỗ trợ của đa phương tiện, GV và các HS khác theo dõi, hỗ trợ, uốn nắn, góp ý...

Việc tổ chức những nhóm rèn luyện KNN để các thành viên của nhóm có điều kiện hội ý, phân tích, góp ý những điểm mạnh, yếu cho nhau qua phần trình bày trước nhóm hoặc qua các thiếu sót của từng cá nhân là một hoạt động có ý nghĩa đối với việc rèn luyện KNN của mỗi HS.

Giai đoạn 3: Luyện nói tự do (Free practice)

Đây là một bước rèn luyện KN cũng là giai đoạn sản sinh lời nói (Production). Trong rèn luyện KNN, giai đoạn này có người trực tiếp, người nói tham gia vào các tình huống giao tiếp phong phú của đời sống để rèn luyện KNN của mình. Do vậy, GV cần mở rộng các loại hình hoạt động để thúc đẩy việc nói của HS, hoàn thiện KNN cho HS, giúp HS vận dụng vốn kiến thức cá nhân và các phương pháp đã rèn luyện vào hoạt động giao tiếp hàng ngày, trước hết là giao tiếp trong giờ học, lớp học. GV cần là người hướng dẫn, tổ chức các hoạt động để HS tự luyện nói. GV nên lưu ý một số điểm sau để giúp HS luyện nói tốt hơn:

- Phối hợp sử dụng thường xuyên các hình thức luyện tập nói theo cặp hoặc theo nhóm để HS có nhiều cơ hội luyện KNN trong lớp, từ đó giúp HS cảm thấy tự tin và mạnh dạn hơn trong giao tiếp.

- Hướng dẫn HS cách tiến hành, làm rõ yêu cầu bài tập hoặc gợi ý hay cung cấp ngữ liệu trước khi cho HS làm việc theo cặp hoặc nhóm. Việc gợi ý và hướng dẫn HS luyện nói rất cần sự sáng tạo và khả năng sử dụng các kĩ thuật dạy học tích cực của GV; GV không nên chỉ sử dụng thuần tuý vào sách giáo khoa và các tài liệu in.

- Ngữ cảnh cần được giới thiệu rõ ràng, sử dụng thêm các giáo cụ trực quan đa phương tiện để gợi ý hay tạo tình huống giao tiếp. Có thể mở rộng tình huống,

khai thác các tình huống có liên quan đến chính hoàn cảnh của địa phương, khuyến khích liên hệ đến tình hình cụ thể của chính cuộc sống thật của HS.

Ba giai đoạn HS luyện nói này thường không tách rời nhau. Do thời lượng rèn luyện trên lớp thường không có nhiều nên GV cần khuyến khích HS tăng cường việc tự rèn luyện (đặc biệt ở khâu Chuẩn bị nói), đồng thời cổ vũ các em tham gia vào các loại hình câu lạc bộ, nhóm, tổ học tập để có cơ hội rèn luyện KNN một cách chính thống.

4. Kết luận

Tổ chức các hoạt động dạy học để rèn luyện KNN cho HS đã trở thành một trong những nhiệm vụ quan trọng của việc dạy học môn Ngữ văn trong nhà trường phổ thông hiện nay, nhất là ở cấp Trung học. Mặc dù chương trình giáo dục quốc gia và nhà trường đã có sự nhìn nhận đúng mức về vai trò của việc dạy học KNN, GV đã có sự quan tâm nhất định đối với KNN trong mỗi giờ học Ngữ văn nhưng công việc này còn gặp nhiều khó khăn, bất cập, trong đó có việc chưa tìm ra những phương pháp rèn luyện hiệu quả. Chúng tôi cho rằng chương trình và sách giáo khoa môn Ngữ văn Trung học sắp tới cần phải tăng cường thời lượng, giới thiệu cụ thể và mở rộng hơn nội dung và hình thức luyện nói cho HS. Việc áp dụng ba giai đoạn rèn luyện KNN cho HS Trung học trên đây là một hướng đi đơn giản nhưng căn cơ, đòi hỏi sự kiên trì và sức sáng tạo của GV. Có thể xem đây là một hướng rèn luyện KNN cho HS trong môn Ngữ văn hiệu quả, góp phần giải quyết được một số khó khăn

trước mắt trong việc luyện nói cho HS Trung học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Erik Palmer, (2015), *Teaching the core skills of listening and speaking*, Ebook Collection publishing, Texas Technology University.
- [2]. Oxford, (2009), *Từ điển Anh ngữ hiện đại*.
- [3]. Chaney, A.L, (1998), *Teaching Oral Communication*, In: Grandes K-8. Boston: Allyn and Bacon.
- [4]. Folse, K., (2006), *The art of teaching speaking*, Michigan University Press.
- [5]. Nunan, D., (2003), *Practical English language teaching*, Boston: McGraw-Hill.
- [6]. Cole, P. and Chan, L.K., (1990), *Methods and strategies for special education*, Sydney: Prentice Hall.
- [7]. Nguyễn Thành Thi, *Năng lực giao tiếp như là kết quả phát triển tổng hợp kiến thức và các kĩ năng đọc, viết, nói, nghe trong dạy học Ngữ văn*, Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm TP. HCM, số 56, (2014), tr.134-143.
- [8]. Denyse Tremblay, (2002), *The Competency - Based Approach: Helping learners become autonomous*, In Adult Education - A lifelong Journey.
- [9]. Richard Zeoli, (2008), *The 7 Principles of Public Speaking: Proven Methods from a PR Professional*, Skyhorse Publishing.
- [10]. Matthews - Candace, (1994), *Speaking Solutions: Interaction, Presentation, Listening, and Pronunciation Skills*, The George Washington University.

PRACTISING SPEAKING SKILL FOR STUDENTS IN VIETNAMESE LANGUAGE AT HIGH SCHOOLS

TRINH THI LAN

Hanoi National University of Education

Email: lantrinh@hnue.edu.vn

Abstract: *Speaking skill is an important part to recognize persons' ability to master a language. The general curriculum shows a certain interest in developing comprehensive verbal skills for learners, including speaking skill. Three factors have impact on learning and practising speaking skill of high school students were learning motivation, attitudes and strategies. From the study of nature and components of speaking skill, the paper proposes a process to develop speaking skill in teaching Vietnamese language so as to develop speaking competence for high school students.*

Keywords: *Speaking skill; speaking competence; Vietnamese language; communication.*